

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH
Thực hiện chương trình y tế - dân số
trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2025

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Y tế - Dân số năm 2025 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để xảy ra dịch bệnh lớn. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong ở một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường nhằm bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm. Bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học. Không chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng để giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân, vùng biển đảo, vùng trọng điểm quốc phòng an ninh của thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể: Theo các thành phần của chương trình.

II. PHẠM VI, QUY MÔ, ĐỐI TƯỢNG

- Phạm vi và quy mô: trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Đối tượng thụ hưởng: người dân sinh sống trên địa bàn thành phố.
- Đối tượng thực hiện: Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ thực hiện các dự án, hoạt động của Chương trình.

III. CÁC THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Gồm 08 chương trình

1. Chương trình 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và một số các bệnh không lây nhiễm phổ biến

- Mục tiêu chung: Chủ động phòng chống một số dịch bệnh, phát hiện dịch sớm, kịp thời khống chế, không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ

chết do một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm. Không chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh, tật lứa tuổi học đường.

- Mục tiêu cụ thể: theo từng hoạt động.

1.1. Hoạt động phòng, chống lao

a. Mục tiêu chung

Phát hiện được 70% bệnh nhân mắc lao so với dịch tễ tốc độ giảm mới mắc từ 3-4% mỗi năm.

b. Mục tiêu cụ thể

- + Củng cố mạng lưới chống lao từ thành phố xuống xã/phường 100%
- + Số bệnh nhân lao các thể đăng ký điều trị: 1.685
- + Tỷ lệ bỏ trị < 5%
- + Điều trị thành công bệnh nhân lao mới có vi khuẩn học > 90% số ca thu nhận
- + Tỷ lệ điều trị thành công bệnh nhân lao kháng thuốc $\geq 70\%$
- + Phối hợp với các tổ chức FIT, SCDI, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng triển khai hoạt động sàng lọc lao và các bệnh hô hấp cho người dân nhằm phát hiện sớm, điều trị kịp thời các thể lao hoạt động và lao tiềm ẩn tiến tới thanh toán bệnh lao vào năm 2035.

c. Các hoạt động phòng, chống lao

- Truyền thông, giáo dục sức khỏe phòng chống bệnh lao.
- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ các cấp khám bệnh, chữa bệnh, giám sát hỗ trợ hoạt động phòng, chống lao.
- Củng cố hoạt động của mạng lưới phòng chống lao cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và cơ bản
- Khám sàng lọc chủ động tại cộng đồng phát hiện người mắc lao.
- Chẩn đoán, điều trị, quản lý bệnh nhân lao, lao kháng thuốc, lao tiềm ẩn...
- Nâng cao năng lực phòng xét nghiệm, triển khai và áp dụng các kỹ thuật mới trong chẩn đoán, quản lý, điều trị bệnh lao.
- Mua sắm vật tư, hóa chất, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống bệnh lao.
- Giám sát hỗ trợ cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và cơ bản công tác phòng, chống lao.

1.2. Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản (BPTNMT&HPQ)

a. Mục tiêu chung

Phát hiện sớm, quản lý và điều trị BPTNMT&HPQ.

b. Mục tiêu cụ thể

- 50% số người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng; 50% số người đã phát hiện bệnh được điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

- 50% số người bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng; 50% số người bệnh hen phế quản được điều trị đạt kiểm soát hen, trong đó 20% đạt kiểm soát hoàn toàn.

c. Các hoạt động phòng, chống BPTNMT&HPQ

- Khảo sát, kiện toàn mạng lưới “Phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và Hen phế quản” các cấp khám bệnh, chữa bệnh.

- Truyền thông nâng cao kiến thức, nhận thức người dân về phòng, chống BPTNMT&HPQ.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn BPTNMT&HPQ.

- Khám sàng lọc phát hiện sớm người bệnh mắc BPTNMT&HPQ.

- Chẩn đoán, điều trị, quản lý BPTNMT&HPQ.

- Mua thuốc thiết yếu điều trị BPTNMT&HPQ

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động phòng chống BPTNMT&HPQ.

1.3. Hoạt động phòng, chống phong

a. Mục tiêu chung:

Giảm dần tỉ lệ phát hiện và tỉ lệ lưu hành bệnh phong trong Nhân dân; chăm sóc bệnh nhân phong tàn tật tại nhà; người dân Hải Phòng có nhận thức đúng đắn, khoa học về bệnh phong; loại trừ bệnh phong cấp huyện; phấn đấu một Hải Phòng không còn bệnh phong trong tương lai.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ phát hiện: $<1/100.000$

- Tỷ lệ lưu hành: $<0,2/10.000$

- Tỷ lệ tàn tật của bệnh nhân phong mới: $<15\%$

- Tỷ lệ % số bệnh nhân tàn tật được chăm sóc: 100%

Tiến tới loại trừ bệnh phong cấp huyện.

** Các chỉ tiêu chuyên môn*

- Số người được khám để phát hiện bệnh phong: 130.000

- Số bệnh nhân đa hóa trị liệu trong năm: 02

- Số bệnh nhân hoàn thành đa hóa trị liệu: 01
- Số bệnh nhân được chăm sóc tàn tật (giáo dục: chăm sóc bàn tay, bàn chân mất cảm giác, phòng chống mù lòa, cấp dép Biti's, kính bảo vệ mắt...): 41
- Số bệnh nhân được điều trị lỗ đảo: 10
- Số bệnh nhân phẫu thuật (cò ngón, mắt thỏ, chân cật cần...): 01
- c. Các hoạt động phòng, chống phong:*
 - Truyền thông giáo dục y tế về bệnh phong.
 - Khám phát hiện và đa hóa trị liệu cho bệnh nhân phong mới.
 - Tập huấn, đào tạo cán bộ phụ trách da liễu cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản.
 - Tập huấn kiến thức cơ bản về bệnh phong.
 - Quản lý tàn tật bệnh nhân phong.
 - Quản lý, điều trị bệnh nhân phong tại nhà.
 - Công tác loại trừ bệnh phong cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản.
 - Mua thuốc, vật tư, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống bệnh phong.
 - Giám sát về công tác: chuyên môn, báo cáo, sổ sách quản lý.

1.4. Hoạt động phòng, chống sốt rét

a. Mục tiêu chung:

Tiếp tục thực hiện các hoạt động nhằm phòng ngừa Sốt rét quay trở lại, tập trung cho những vùng có nguy cơ sốt rét, các đối tượng nguy cơ cao, củng cố các yếu tố bền vững nhằm duy trì kết quả loại trừ Sốt rét những năm tiếp theo.

b. Mục tiêu cụ thể:

- 100% số người nghi ngờ mắc sốt rét được lấy máu xét nghiệm ký sinh trùng Sốt rét.
- 100% trường hợp bệnh sốt rét ngoại lai được phát hiện, điều tra, quản lý, điều trị kịp thời đúng theo phác đồ hướng dẫn của Bộ Y tế và báo cáo theo quy định.
- Không để sốt rét lan truyền tại chỗ, không để dịch sốt rét xảy ra.
- Không để tử vong do sốt rét.
- Duy trì tỷ lệ mắc sốt rét dưới 0,01/1.000 dân.

c. Các hoạt động phòng, chống sốt rét:

- Truyền thông, giáo dục sức khỏe về phòng chống và loại trừ sốt rét
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Triển khai các hoạt động theo dõi, đánh giá, nghiên cứu phục vụ công tác phòng chống và loại trừ sốt rét.

- Tăng cường công tác phát hiện, điều trị kịp thời, quản lý ca bệnh sốt rét.
- Kiểm tra, giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật cho cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản và ban đầu; hướng dẫn thực hiện các hoạt động chuyên môn phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Giám sát phát hiện, tổ chức điều trị và quản lý bệnh nhân có P,F kháng thuốc Artemisinin và dẫn chất; các chủng ký sinh trùng kháng thuốc khác.
- Giám sát lưu hành của muỗi sốt rét, muỗi truyền bệnh sốt rét kháng hóa chất diệt muỗi, bảo vệ chủ động cho người dân tại vùng có nguy cơ sốt rét bằng các biện pháp phù hợp.
- Tăng cường hệ thống giám sát, báo cáo trường hợp ca bệnh sốt rét bằng phần mềm eCDS-MMS tại các cấp khám bệnh, chữa bệnh.
- Mua thuốc để điều trị sốt rét; mua hóa chất phun tồn lưu, tấm màn xua diệt muỗi sốt rét; mua kem xua muỗi phục vụ công tác phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Duy trì các hoạt động xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét bằng kính hiển vi.
- Quản lý tốt dân di biến động: đi, đến vùng sốt rét lưu hành và từ vùng sốt rét lưu hành trở về địa phương.

1.5. Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

a. Mục tiêu chung: Chủ động phòng, chống dịch, phát hiện sớm ca mắc; không chế tỷ lệ mắc, tử vong do sốt xuất huyết, không để dịch lớn xảy ra, đẩy mạnh xã hội hoá công tác phòng chống sốt xuất huyết.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Không chế tỷ lệ mắc dưới 14/100.000 dân.
- Không chế tỷ lệ chết/mắc do sốt xuất huyết Dengue (SXHD) dưới 0.09 %
- Ít nhất 7 % số bệnh nhân nghi SXHD được chẩn đoán bằng xét nghiệm huyết thanh.
- Ít nhất 3% số bệnh nhân nghi SXHD được phân lập vi rút.
- Ít nhất 5 % số xã triển khai giám sát dịch tễ chủ động.
- Ít nhất 5 % số xã triển khai phun hóa chất diệt muỗi chủ động.
- Ít nhất 90 % ổ dịch sốt xuất huyết được xử lý theo quy định về chuyên môn và thời gian.

c. Các hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết:

- Truyền thông phòng, chống sốt xuất huyết, vận động, hỗ trợ cộng đồng thực hiện vệ sinh môi trường, tổ chức thực hiện các chiến dịch diệt loăng quăng,

bọ gây phòng, chống sốt xuất huyết.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng, chống sốt xuất huyết.
- Phun hóa chất chủ động phòng chống sốt xuất huyết.
- Giám sát, điều tra, xác minh dịch trên địa bàn thành phố.
- Triển khai hoạt động diệt loăng quăng, bọ gây, chiến dịch vệ sinh môi trường.
- Xét nghiệm chẩn đoán ca nghi nhiễm, gửi mẫu ngoại kiểm, phân lập vi-rút sốt xuất huyết Dengue.
- Kiểm tra, giám sát: Thực hiện định kỳ theo tháng, quý, năm hoặc đột xuất.

1.6. Hoạt động phòng, chống bệnh Đại

a. Mục tiêu chung: Tăng cường kiểm soát tốt tình hình mắc bệnh Đại, không để dịch xảy ra, góp phần phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ sức khỏe Nhân dân

b. Mục tiêu cụ thể:

- Phát hiện sớm và tư vấn kịp thời cho người bị phơi nhiễm bệnh Đại tiềm phòng đầy đủ.
- Nâng cao chất lượng hệ thống giám sát bệnh dựa vào sự kiện EBS.
- Duy trì hoạt động phối hợp liên ngành Y tế - Thú y.

c. Các hoạt động phòng, chống bệnh Đại:

- Hướng dẫn chuyên môn cho các đơn vị y tế trên địa bàn thành phố trong việc triển khai các hoạt động phòng, chống bệnh Đại theo hướng dẫn của Bộ Y tế; đồng thời hướng dẫn và phối hợp với các đơn vị triển khai các hoạt động truyền thông phòng chống bệnh Đại, nâng cao hiểu biết của người dân trong việc tham gia tiêm chủng trước và sau khi phơi nhiễm.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế theo quyết định 1622/QĐ-BYT ngày 8/5/2014 về việc ban hành "Hướng dẫn giám sát phòng chống bệnh đại trên người" và Thông tư liên tịch 16/2013/TTLT-BYT-BNN&PTNT ngày 27/5/2013 về việc Hướng dẫn phối hợp phòng chống bệnh lây truyền từ động vật sang người; công tác truyền thông nâng cao ý thức phòng chống bệnh Đại trong trường học, cộng đồng.

- Tổ chức triển khai giám sát hoạt động phòng, chống bệnh Đại:

+ Giám sát hỗ trợ hoạt động phòng chống bệnh đại tại 15 quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên kết hợp giám sát công tác thực hiện Hệ thống giám sát dựa vào sự kiện (EBS). Tăng cường hoạt động giám sát bệnh chủ động, phát hiện sớm sự kiện chó nghi dại cắn người hoặc các trường hợp mắc bệnh/ nghi mắc bệnh nhằm kịp thời xử lý. Tiếp tục triển khai thực hiện giám sát bệnh theo sự kiện. Tăng cường hệ thống giám sát EBS ở tất cả các cấp khám

bệnh, chữa bệnh.

- + Điều tra dịch tễ và lấy mẫu bệnh phẩm chẩn đoán xác định theo quy định của Bộ Y tế.

- + Giám sát công tác thống kê báo cáo, dự báo.

- + Giám sát các điểm tiêm vắc xin phòng Đại trên địa bàn, công tác an toàn tiêm chủng vắc xin phòng, chống bệnh Đại.

- Truyền thông phòng, chống bệnh Đại; Kết hợp với tư vấn tại các điểm tiêm chủng để tăng cường kiến thức, thay đổi hành vi của người dân trong phòng chống bệnh Đại.

- Tăng cường công tác phối hợp liên ngành:

- + Duy trì và tăng cường sự phối hợp chặt chẽ Y tế - Thú y trong công tác điều tra giám sát, trao đổi thông tin 2 bên, xử lý ổ dịch,... nhằm kiểm soát bệnh Đại và các bệnh lây truyền từ Động vật sang người.

- + Tăng cường phối hợp với các ngành khác như Giáo dục, Quân – dân y, kết hợp phòng chống bệnh Đại.

- + Huy động đoàn thể xã hội tham gia vào công tác phòng chống bệnh Đại: hội phụ nữ, hội thanh niên, y tế xã phường...

1.7. Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch

a. Mục tiêu chung: Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, đẩy mạnh các biện pháp dự phòng, phát hiện sớm và quản lý điều trị để hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh, tàn tật và tử vong sớm do các bệnh lý tim mạch.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Giảm thiểu các hành vi nguy cơ chính để dự phòng mắc bệnh THA và các bệnh lý tim mạch. Phấn đấu 95% TYT xã/phường thực hiện truyền thông về phòng chống bệnh và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, giảm muối trong khẩu phần ăn, tăng cường vận động thể lực phòng chống THA và các bệnh lý tim mạch.

- Nâng cao hiểu biết, thay đổi hành vi của người dân để giảm lượng muối trong khẩu phần ăn hàng ngày. Phấn đấu 40% số người được phát hiện mắc THA, bệnh tim mạch và các bệnh liên quan khác được tư vấn, hướng dẫn thực hiện chế độ ăn giảm muối và 50% học sinh phổ thông có hiểu biết về tác hại của việc ăn nhiều muối, nhận biết được các loại thực phẩm chứa nhiều muối.

- Tăng tỷ lệ phát hiện, quản lý điều trị, chăm sóc người mắc bệnh THA. Phấn đấu ít nhất 30% người trưởng thành, trong đó 80% người từ 40 tuổi trở lên được đo HA ít nhất 1 lần/năm để phát hiện sớm THA; ít nhất 50% người mắc THA được phát hiện; 50% số người phát hiện bệnh THA được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực làm công tác dự phòng và quản lý bệnh THA tại cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản và ban đầu.

- Phân đầu 100% cán bộ y tế được đào tạo, tập huấn về dự phòng, giám sát, phát hiện, quản lý, chẩn đoán điều trị THA theo đúng quy định. Phân đầu 60% nhân viên y tế trong các cơ sở khám, chữa bệnh có đủ năng lực tư vấn, hướng dẫn chế độ ăn giảm muối trong quản lý, điều trị cho bệnh nhân THA, tim mạch và các bệnh liên quan khác.

- Phân đầu tăng tỷ lệ 80% các TYT thực hiện khám chữa bệnh có ít nhất 2-3 nhóm thuốc điều trị THA.

- Xây dựng, triển khai và duy trì bền vững mô hình quản lý THA tại cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản và ban đầu. Phân đầu 95% TYT xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị THA.

- Duy trì hệ thống giám sát, quản lý thông tin, thống kê báo cáo. Phân đầu 100% Trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện báo cáo bằng phần mềm và 95% cán bộ đầu mối giám sát, thống kê báo cáo các cấp khám bệnh, chữa bệnh được tập huấn.

c. Các hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch:

- Truyền thông, giáo dục sức khỏe.
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh tim mạch.
- Khám sàng lọc phát hiện sớm, quản lý người bệnh tăng huyết áp.
- Chẩn đoán, điều trị, quản lý.
- Điều tra, giám sát.
- Thống kê, báo cáo số liệu.

1.8. Hoạt động phòng, chống ung thư

a. Mục tiêu chung:

Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, đẩy mạnh các biện pháp dự phòng, phát hiện sớm và quản lý điều trị để hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người, mắc bệnh, tàn tật và tử vong sớm do các bệnh ung thư.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Phát hiện sớm > 20% số người mắc ung thư vú, cổ tử cung, đại trực tràng, ung thư tiền liệt tuyến và ung thư khoang miệng.

- 90% cán bộ y tế thực hiện công tác phòng, chống bệnh ung thư các cấp khám bệnh, chữa bệnh được đào tạo tập huấn về dự phòng, giám sát, phát hiện, quản lý, chẩn đoán, điều trị, quản lý thông tin, thống kê báo cáo bệnh ung thư theo quy định.

- Ít nhất 10% người thuộc đối tượng sàng lọc được sàng lọc nguy cơ mắc ung thư bằng bộ phiếu đánh giá yếu tố nguy cơ.

c. Các hoạt động phòng, chống ung thư:

- Khám sàng lọc phát hiện sớm bệnh nhân mắc ung thư vú, đại tràng, cổ tử cung, khoang miệng, tiền liệt tuyến.... tại cộng đồng.
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn phòng, chống bệnh ung thư cho cán bộ y tế cơ sở về dẫn phòng, chống bệnh ung thư.
- Tăng cường công tác tuyên truyền hướng dẫn phòng, chống bệnh ung thư, các yếu tố nguy cơ cho người bệnh và cộng đồng.
- Duy trì cập nhật hệ thống ghi nhận ung thư, tiến tới quản lý tỷ lệ chết do ung thư.
- Mua thiết bị, vật tư phục vụ công tác sàng lọc ung thư.
- Giám sát chuyên môn hoạt động phòng, chống ung thư.
- Thống kê, báo cáo số liệu.

1.9. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường (ĐTĐ)

a. Mục tiêu chung:

Tăng cường kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây bệnh, đẩy mạnh các biện pháp dự phòng, phát hiện sớm và quản lý điều trị để hạn chế sự gia tăng, tiến tới làm giảm tỷ lệ người mắc bệnh ĐTĐ tại cộng đồng, hạn chế tàn tật và tử vong sớm do mắc bệnh đái tháo đường.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Tăng tỷ lệ phát hiện, quản lý điều trị, chăm sóc người mắc bệnh ĐTĐ: Ít nhất 70% người từ 40 tuổi trở lên được sàng lọc bằng phiếu đánh giá nguy cơ và/hoặc xét nghiệm đường máu 01 lần/năm để phát hiện sớm ĐTĐ; 55% người mắc ĐTĐ được phát hiện và 55% số người phát hiện bệnh được quản lý điều trị theo hướng dẫn chuyên môn; 30% người tiền ĐTĐ được phát hiện và 50% số phát hiện được can thiệp dự phòng, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.
- Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống để bảo đảm cung cấp dịch vụ phòng, chống bệnh ĐTĐ: 50% Trạm y tế xã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh có 02 nhóm thuốc điều trị bệnh ĐTĐ, 95% số Trạm y tế xã thực hiện dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị đái tháo đường theo quy định. 90% cán bộ y tế thực hiện công tác phòng, chống bệnh ĐTĐ được đào tạo tập huấn về dự phòng, giám sát, phát hiện, quản lý, chẩn đoán, điều trị bệnh theo quy định.
- Phát triển hệ thống giám sát, quản lý thông tin, thống kê báo cáo bệnh tim mạch và các yếu tố nguy cơ: 90% Trạm y tế xã và các cơ sở y tế liên quan thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê báo cáo đầy đủ kết quả dự phòng, phát hiện, quản lý điều trị và nguyên nhân tử vong do bệnh đái tháo đường. 95% cán bộ đầu mối giám sát, thống kê báo cáo các cấp khám bệnh, chữa bệnh được tập huấn về giám sát, quản lý thông tin, thống kê báo

cáo đái tháo đường theo quy định.

c. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường:

- Truyền thông, giáo dục sức khỏe phòng, chống bệnh ĐTĐ.
- Đào tạo, tập huấn phòng, chống bệnh ĐTĐ.
- Tăng cường hệ thống cung cấp dịch vụ, chuyên môn kỹ thuật y tế:
 - + Kiện toàn hệ thống cán bộ y tế dự phòng, phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị, quản lý bệnh ĐTĐ từ thành phố đến cấp quận huyện, xã phường.
 - + Tăng cường phát hiện, điều trị, quản lý tại trạm y tế và cộng đồng cho người mắc bệnh đái tháo đường theo quy định, bảo đảm cung cấp dịch vụ quản lý, theo dõi và chăm sóc liên tục cho người bệnh.
 - + Nghiên cứu tổ chức các hình thức phát hiện, điều trị, quản lý bệnh đái tháo đường phù hợp tại cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu; trước mắt triển khai phát hiện, điều trị dự phòng và điều trị duy trì theo chỉ định của cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản và chuyên sâu; từng bước tiến tới tự quản lý điều trị ĐTĐ ở những Trung tâm Y tế, Trạm y tế đủ điều kiện.
 - + Tăng cường hiệu quả hoạt động của lĩnh vực y tế dự phòng trong kiểm soát yếu tố nguy cơ và các tình trạng tiền đái tháo đường.
 - + Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, giám sát hoạt động dự phòng, phát hiện sớm, điều trị, quản lý ĐTĐ tại trạm y tế và cộng đồng theo quy định. Nâng cao năng lực cho cán bộ Trung tâm y tế huyện để thực hiện việc quản lý, hỗ trợ kỹ thuật cho cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu.
 - + Triển khai các biện pháp sàng lọc phù hợp, hiệu quả để tăng cường phát hiện sớm và quản lý điều trị bệnh ĐTĐ.
 - + Phát triển nguồn nhân lực : Cán bộ y tế huyện, y tế xã tham gia các hoạt động phát hiện sớm, giám sát và quản lý điều trị các bệnh ĐTĐ tại cộng đồng.

1.10. Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

a. Mục tiêu chung

Tăng cường phát hiện sớm và quản lý điều trị các bệnh tâm thần phân liệt, động kinh, trầm cảm, sa sút trí tuệ và các rối loạn sức khỏe tâm thần khác (gọi chung là rối loạn sức khỏe tâm thần). Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe tâm thần cho Nhân dân toàn thành phố theo phương thức lồng ghép vào hoạt động của trạm y tế xã, phường, thị trấn. Đưa chương trình phòng chống bệnh liên quan rối loạn sức khỏe tâm thần vào triển khai đúng với chương trình nâng cao sức khỏe tâm thần cộng đồng.

b. Mục tiêu cụ thể:

- 80% người từ 13 tuổi trở lên được truyền thông, cung cấp thông tin,

hướng dẫn để biết theo dõi sức khỏe, phát hiện sớm rối loạn sức khỏe tâm thần.

- Ít nhất 40% người thuộc đối tượng sàng lọc định kỳ sàng lọc một số rối loạn sức khỏe tâm thần theo hướng dẫn sàng lọc từng bệnh; phát hiện được ít nhất 70% người mắc bệnh tâm thần phân liệt và động kinh, 50% người mắc trầm cảm, 30% người bị sa sút trí tuệ và một số rối loạn tâm thần khác; quản lý điều trị ít nhất 80% người bệnh tâm thần phân liệt, 70% người bệnh động kinh và 50% người bệnh trầm cảm đã được phát hiện.

- 100% Bệnh viện đa khoa quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên, Trung tâm y tế có giường bệnh quận, huyện thực hiện quản lý cấp thuốc điều trị cho người bệnh tâm thần phân liệt và động kinh; 50% Bệnh viện đa khoa quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên, Trung tâm y tế có giường bệnh thực hiện quản lý, cấp thuốc cho người bệnh trầm cảm.

- 100% số Trạm Y tế xã thực hiện quản lý cấp thuốc điều trị cho người bệnh tâm thần phân liệt và động kinh; 60% số Trạm Y tế xã (100/167 Trạm Y tế xã) quản lý cấp thuốc điều trị cho người bệnh trầm cảm.

- 100% cán bộ y tế thực hiện công tác phòng chống rối loạn sức khỏe tâm thần các cấp được đào tạo, tập huấn về phát hiện, quản lý điều trị; 95% cán bộ đầu mối giám sát, quản lý thông tin, thống kê báo cáo các cấp được tập huấn theo quy định. 100% Trạm Y tế xã và các cơ sở y tế liên quan thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và thống kê báo cáo đầy đủ theo quy định.

c. Các hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

- Duy trì tốt hoạt động của chương trình ở 15 quận, huyện, thành phố bao gồm 167 xã/phường/thị trấn và huyện đảo Bạch Long Vĩ đối với bệnh tâm thần phân liệt và bệnh động kinh; 07 quận/huyện/thành phố (Thủy Nguyên, Lê Chân, Hồng Bàng, Vĩnh Bảo, Hải An, Kiến An và Tiên Lãng với 100 xã/phường/thị trấn) đối với bệnh trầm cảm.

- Công tác truyền thông: Tiếp tục phổ biến kiến thức, truyền thông lồng ghép với hoạt động tại các xã phường, sử dụng đa dạng và hiệu quả các hình thức truyền thông.

- Đào tạo, tập huấn chuyên môn phát hiện, quản lý, điều trị và phục hồi chức năng bệnh nhân tâm thần.

- Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống để triển khai cung cấp các dịch vụ khám sàng lọc, kiểm tra sức khỏe, đo các chỉ số và thực hiện các nghiệm pháp để phát hiện sớm rối loạn sức khỏe tâm thần cho người dân. Tổ chức các hình thức sàng lọc thường xuyên, theo dõi, tư vấn, dự phòng.

- Thực hiện quản lý điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng, tái thích ứng cộng đồng xã hội cho người mắc bệnh.

- Hướng dẫn thực hiện và giám sát thực hiện công tác phục hồi chức năng

tâm lý xã hội và nghề nghiệp cho người bệnh tâm thần phân liệt và động kinh tại cộng đồng ở các quận/huyện/thành phố.

- Từng bước triển khai chương trình chăm sóc khỏe tâm thần cộng đồng về bệnh trầm cảm trong toàn thành phố.

- Phục hồi chức năng tâm lý xã hội cho người bệnh tâm thần tại cộng đồng.

- Mua vật tư, hóa chất, thuốc, trang thiết bị phục vụ cho chương trình.

- Công tác giám sát: thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát các Trung tâm y tế quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên; các TYT xã/phường/thị trấn về các việc quản lý hồ sơ bệnh án, kê đơn cấp phát thuốc, công tác dược.

1.11. Hoạt động phòng chống tai nạn thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn

a. Mục tiêu chung:

Nâng cao năng lực của ngành y tế trong công tác phòng chống tai nạn thương tích (PCTNTT) tại cộng đồng và nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác PCTNTT, xây dựng cộng đồng an toàn (XDCĐAT) góp phần giảm tỷ lệ mắc, tử vong và tàn tật do tai nạn thương tích.

b. Mục tiêu cụ thể:

- 100% các quận/huyện thực hiện tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức của cán bộ y tế và cộng đồng trong PCTNTT

- Trên 90% quận huyện và các bệnh viện cấp khám bệnh chữa bệnh cơ bản, chuyên sâu thành phố báo cáo đúng hạn, đầy đủ số liệu mắc, tử vong do tai nạn thương tích tại các cơ sở y tế và cộng đồng.

- Tăng cường năng lực sơ cấp cứu tai nạn thương tích, kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích tại cộng đồng.

- Triển khai xây dựng cộng đồng an toàn tại 01 xã/phường/thị trấn trên địa bàn thành phố.

c. Hoạt động phòng chống tai nạn thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn:

- Kiện toàn Ban chỉ đạo PCTNTT tại cộng đồng cấp thành phố và các địa phương. Tham mưu cho Sở Y tế, Ủy ban nhân dân thành phố kiện toàn Ban chỉ đạo PCTNTT của thành phố và ban hành các văn bản hướng dẫn các quận/huyện/thành phố.

- Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức, kỹ năng của cán bộ y tế và cộng đồng trong PCTNTT, XDCĐAT:

- + Cung cấp, phổ biến, hướng dẫn các tài liệu truyền thông về PCTNTT cho các cấp: in tờ rơi, áp phích, các bài phát thanh...

- + Tập huấn, hướng dẫn xây dựng cộng đồng an toàn cho cán bộ y tế quận/huyện/thành phố

+ Lồng ghép truyền thông PCTNTT trong các phong trào làng năm hóa sức khỏe, phong trào xây dựng nông thôn mới, ngày Sức khỏe thể giới, tháng an toàn thực phẩm, tháng hành động quốc gia về an toàn vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ hàng năm.

- Nâng cao năng lực báo cáo thống kê số liệu mắc, tử vong do tai nạn thương tích tại các cơ sở y tế và cộng đồng.

- Tăng cường năng lực sơ cấp cứu tai nạn thương tích tại cộng đồng.

+ Duy trì và phát triển các điểm sơ cấp cứu tai nạn giao thông.

+ Xây dựng mạng lưới cộng tác viên sơ cứu, cấp cứu tai nạn thương tích tại cộng đồng thông qua mạng lưới nhân viên y tế thôn, cộng tác viên y tế.

+ Cung cấp thiết bị phục vụ sơ cứu, cấp cứu tai nạn thương tích tại cộng đồng, trường học.

- Triển khai xây dựng cộng đồng an toàn tại 01 xã/phường/thị trấn trên địa bàn thành phố:

+ Rà soát năng lực xây dựng cộng đồng an toàn tại các địa phương, tổ chức đăng ký và xây dựng các mô hình an toàn, hướng dẫn các địa phương thực hiện.

+ Phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tại địa phương thực hiện nhiệm vụ XDCĐAT, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, chương trình xây dựng nông thôn mới...

1.12. Hoạt động vệ sinh môi trường (VSMT)

a. Mục tiêu chung:

Đảm bảo an toàn y tế, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh cho cộng đồng trên địa bàn thành phố; Nâng cao nhận thức cộng đồng, chủ động trong công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh của cộng đồng dân cư.

b. Mục tiêu cụ thể:

- Kiểm tra điều kiện vệ sinh, giám sát chất lượng nước tại 100% các cơ sở cấp nước có công suất $>1000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$;

+ Kiểm tra an toàn y tế và vệ sinh phòng dịch tại bến tàu, bến xe phục vụ tết Nguyên đán 2025: 3 điểm (Bến xe khách Vĩnh Niệm, Ga Hải Phòng, Bến xe Thượng Lý) 01 lần/năm.

- 92% số hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh.

c. Hoạt động vệ sinh môi trường:

+ Kiểm tra vệ sinh, giám sát chất lượng nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt của các cơ sở cấp nước có công suất $>1000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ trên địa bàn.

+ Kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý chất thải y tế.

+ Kiểm tra vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

+ Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan trong công tác ứng phó

sự cố môi trường, biến đổi khí hậu, thiên tai.

- + Tham gia truyền thông, triển khai tập huấn về nước sạch, vệ sinh môi trường.

1.13. Hoạt động vệ sinh lao động (VSLĐ)

a. Mục tiêu chung:

Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho người lao động thông qua các hoạt động phòng ngừa, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp, khuyến khích lối sống, dinh dưỡng lành mạnh tại nơi làm việc, đảm bảo sức khỏe và tính mạng của người lao động.

b. Mục tiêu cụ thể:

- + Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện khám, phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động tăng ít nhất 5%;
- + Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở phát sinh yếu tố có hại được quan trắc môi trường lao động tăng ít nhất 5%;

c. Hoạt động vệ sinh lao động:

- + Triển khai hoạt động quản lý mạng lưới thực hiện công tác y tế lao động tại các cấp khám bệnh, chữa bệnh và các cơ sở lao động.
- + Tăng cường hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.
- + Nâng cao năng lực chuyên môn, triển khai có hiệu quả công tác y tế lao động, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp, sơ cấp cứu cho người lao động tại nơi làm việc.
- + Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thống kê báo cáo.

1.14. Hoạt động Y tế trường học

a. Mục tiêu chung

Giảm tỷ lệ mắc mới các bệnh tật ở trẻ mầm non, học sinh phổ thông như cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường, tạo điều kiện cho các em phát triển toàn diện cả thể chất và tinh thần, có sức khỏe tốt để học tập.

b. Mục tiêu cụ thể:

- 100% cán bộ làm công tác y tế trường học ngành y tế cấp quận/huyện được tập huấn nâng cao năng lực thông qua bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.
- 95% trường học có sử dụng nước và nhà tiêu hợp vệ sinh.
- Phối hợp với Trung tâm Y tế quận/ huyện thực hiện kiểm tra đánh giá công tác Y tế trường học, giám sát điều kiện vệ sinh trường học tại ít nhất 20

trường học thuộc các cấp học trên địa bàn thành phố theo phân cấp quản lý.

c. Các hoạt động Y tế trường học:

- Đào tạo, tập huấn; nâng cao kiến thức và năng lực phòng chống bệnh tật học đường cho cán bộ chuyên trách ngành y tế.

- Phối hợp với Trung tâm y tế quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên triển khai thực hiện hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh: các hoạt động phòng chống cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường... góp phần giảm tỷ lệ mắc, kiểm soát và hạn chế một số yếu tố nguy cơ của các bệnh tật học đường.

- Quản lý sức khỏe học sinh, hướng dẫn các trường triển khai công tác y tế trường học.

- Giám sát, đánh giá hoạt động chăm sóc sức khỏe học sinh, điều kiện vệ sinh trường học.

2. Chương trình 2: Tiêm chủng mở rộng

a) Mục tiêu chung:

- Cung cấp dịch vụ tiêm chủng miễn phí cho trẻ em, bảo vệ trẻ khỏi mắc 11 loại bệnh truyền nhiễm phổ biến và gây tử vong cao, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- Cung cấp dịch vụ tiêm chủng miễn phí vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai, đảm bảo an toàn chất lượng và hiệu quả.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Bảo vệ thành quả thanh toán bại liệt (không có trường hợp bại liệt do vi rút hoang dại).

- Duy trì thành quả loại trừ uốn ván sơ sinh.

- Trên 95% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin (lao, bạch hầu, ho gà, uốn ván, viêm gan B, viêm màng não mủ do Hib, bại liệt và sởi).

- Trên 90% phụ nữ có thai được tiêm vắc xin uốn ván đủ 2 mũi.

- Thực hiện tiêm vắc xin viêm gan B cho trẻ trong 24 giờ đầu sau khi sinh đạt trên 90%.

- Trên 95% trẻ 18 - 24 tháng tuổi được tiêm vắc xin phòng Sởi - Rubella.

- Trên 90% trẻ 18 - 24 tháng tuổi được tiêm vắc xin DPT mũi 4 (*).

- Trên 95% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm vắc xin IPV;

- Tổ chức tiêm vắc xin viêm não Nhật Bản B 2 mũi cơ bản cho trẻ 1 tuổi và tiêm mũi 3 cho trẻ đã được tiêm 2 mũi cơ bản năm 2024 đạt trên 90%.

- 100% các trường hợp phản ứng sau tiêm được điều tra theo quy định.

- 100% các cơ sở tổ chức tiêm chủng thực hiện đúng theo quy định.
- Tỷ lệ mắc sởi < 5/100.000 dân.
- Tỷ lệ mắc bạch hầu < 0,02/100.000 dân.
- Tỷ lệ mắc ho gà < 1/100.000 dân

(*) Căn cứ theo Quyết định số 1987/QĐ-BYT ngày 11/7/2024 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng năm 2025.

c) Các nội dung chủ yếu:

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, củng cố tăng cường giám sát, nâng cao năng lực chuyên môn.
- Hỗ trợ các hoạt động truyền thông, giáo dục.
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn tiêm chủng mở rộng.
- Đảm bảo an toàn tiêm chủng, duy trì và củng cố hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng, thực hiện đúng quy định của Bộ Y tế trong việc giám sát phản ứng sau tiêm chủng.
- Tiếp nhận/mua và cung ứng vật tư, thiết bị tiêm chủng mở rộng: Tổ chức cấp phát vắc xin và vật tư tiêm chủng cho Trung tâm Y tế các quận/huyện/thành phố từ ngày 20 đến ngày 23 hàng tháng; Cấp bổ sung dây chuyền lạnh bảo quản vắc xin cho các TTYT quận/huyện/thành phố, bệnh viện và điểm tiêm chủng.
- Điều tra, giám sát các bệnh trong chương trình.
- Giám sát tiêm chủng thường xuyên, chiến dịch.

3. Chương trình 3: Dân số và phát triển

a) Mục tiêu chung:

- Từng bước giải quyết các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Tăng quy mô dân số trên cơ sở điều chỉnh mức sinh phù hợp để duy trì vững chắc mức sinh thay thế, thu hút dân cư, đặc biệt là dân cư trong độ tuổi sinh đẻ; nguồn nhân lực có chất lượng cao gắn với việc nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh, chủ động tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số, nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.
- Phấn đấu duy trì mức sinh thay thế; kiểm soát tỷ số giới tính khi sinh; đẩy mạnh công tác truyền thông về dân số và phát triển; quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và tiếp tục nâng cao chất lượng dân số nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.

- Củng cố, phát triển hệ thống và nâng cao chất lượng dịch vụ phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng; quản lý, chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi.

- Từng bước cải thiện sức khỏe bà mẹ và trẻ em thành phố, triển khai các giải pháp nhằm tiếp tục giảm tử vong mẹ và tử vong sơ sinh. Nâng cao nhận thức phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại.

- Đảm bảo tình trạng dinh dưỡng của Nhân dân được cải thiện rõ rệt, các gia đình trước hết là bà mẹ và trẻ em được nuôi dưỡng và chăm sóc hợp lý, bữa ăn của người dân ở tất cả các vùng đủ hơn về số lượng, cải thiện về chất lượng để cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho từng đối tượng, địa phương góp phần giảm thiểu gánh nặng bệnh tật, hạn chế các vấn đề sức khỏe liên quan đến dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực và trí tuệ của người Việt Nam; Tiếp tục giảm suy dinh dưỡng nhẹ cân và đặc biệt giảm suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi; Giảm tỷ lệ thiếu vi chất dinh dưỡng ở những nhóm đối tượng nguy cơ cao (phụ nữ mang thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ em); Kiểm soát có tình trạng thừa cân – béo phì.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên <1%.
- Mức giảm tỷ số giới tính khi sinh: -0,1 (điểm %).
- Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh: 75,0%.
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc các bệnh, tật bẩm sinh phổ biến nhất: 72,0%.
- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: 76,5%.
- Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ: 76,0%.
- Tổng số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại: 90.000 người.
- Tối thiểu 50% người cao tuổi được chăm sóc dự phòng toàn diện, khám sức khỏe định kỳ, được điều trị kịp thời tại các cơ sở y tế.
- Tỷ lệ PN có thai được khám thai > 4 lần trong 3 chu kỳ (%) đạt 95%.
- Tỷ lệ phụ nữ đẻ do nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ đẻ (%) đạt 100%.
- Tỷ lệ BM và trẻ sơ sinh được chăm sóc tại nhà tuần đầu sau đẻ đạt 94%.
- Trẻ sơ sinh được tiêm VitaminK 100%; Số trẻ đẻ ra được bú mẹ trong giờ đầu 60%; Số trẻ đẻ ra được sàng lọc sơ sinh 80%.
- Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (1.000 trẻ đẻ ra sống) < 3,5%.
- Giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (1.000 trẻ đẻ ra sống) < 5,0%.
- Giảm tỷ số tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ sống xuống còn 9/100.000 trẻ đẻ sống.
- Trẻ sơ sinh được tiêm vitamin 100%.

- Tăng tỷ lệ thực hiện chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm đạt 75% trở lên.
- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em:
 - + Duy trì tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân < 7%.
 - + Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi < 16%.
 - + Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng gầy còm < 3,5%.
 - + Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị thừa cân béo phì < 8%.
 - + Tiếp tục cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em.
 - + Trên 99% trẻ trong độ tuổi 6-35 tháng tuổi được uống vitamin A một năm 2 lần.
 - + Trên 90% trẻ nguy cơ thiếu Vitamin A được uống Vitamin A.
- Phòng chống suy dinh dưỡng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời:
 - + Tỷ lệ trẻ đẻ nhẹ cân dưới 2500gr < 5%.
 - + Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai dưới 32%.
 - + Tỷ lệ bà mẹ thực hành cho trẻ bú sớm: 75%.
 - + Tỷ lệ bà mẹ cho trẻ bú hoàn toàn trong 6 tháng: 47%.
 - + Tỷ lệ bà mẹ tiếp tục cho trẻ bú mẹ đến khi trẻ được 24 tháng tuổi hoặc lâu hơn: 47%
 - + Tỷ lệ bà mẹ cho trẻ từ 6-23 tháng tuổi có chế độ ăn chấp nhận tối thiểu (ăn đúng đủ): 50%.
- c) Các hoạt động chủ yếu:*
 - **Hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (DS – KHHGD):**
 - * Thực hiện các Chương trình, Đề án về Dân số
 - + Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh.
 - + Chương trình Điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng.
 - + Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGD.
 - + Chương trình Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.
 - + Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.
 - + Chương trình Truyền thông dân số.
 - + Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành Dân số.

- + Kiểm soát dân số vùng biên giới biển đảo và ven biển.
- + Đề án Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp.

* Các hoạt động thực hiện quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát chuyên môn về lĩnh vực Dân số.

* Mức chi bồi dưỡng cho cộng tác viên dân số (Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và kinh phí động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng.)

* Thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ: Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng:

+ Khảo sát thu thập thông tin và cập nhật thông tin đầy đủ về người khuyết tật các dạng, các mức độ vào phần mềm quản lý thông tin người khuyết tật của Bộ Y tế.

+ Tiếp tục thực hiện việc quản lý thông tin người khuyết tật bằng phần mềm, củng cố, phát triển hệ thống và nâng cao chất lượng dịch vụ phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng.

+ Đào tạo, tập huấn hướng dẫn kỹ năng phát hiện sớm và can thiệp sớm cho người khuyết tật cho các đối tượng cán bộ y tế cấp ban đầu, cộng tác viên, tình nguyện viên, người nhà, người thân người khuyết tật.

+ Sàng lọc phát hiện khuyết tật và nhu cầu phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

+ Xây dựng mô hình phục hồi chức năng tại các đơn vị y tế cấp cơ bản.

+ Tập huấn, hướng dẫn cán bộ Trạm Y tế, cán bộ của phòng Y tế, Trung tâm Y tế về phục hồi chức năng và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; Hướng dẫn phát hiện sớm – can thiệp sớm khuyết tật; triển khai phần mềm quản lý thông tin người khuyết tật.

+ Tập huấn, hướng dẫn cán bộ Phòng y tế, Trạm Y tế, cộng tác viên sử dụng phiếu thu thập thông tin cá nhân người khuyết tật; cách điều tra, thu thập thông tin người khuyết tật.

+ Điều tra khảo sát thông tin người khuyết tật tại các hộ gia đình.

+ Theo dõi, giám sát điều tra, hỗ trợ nhập liệu.

+ Căn cứ các thông tin người khuyết tật đã thu thập được, tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn can thiệp cho người khuyết tật cho các đối tượng cán bộ y tế cấp ban đầu, cộng tác viên, tình nguyện viên, người nhà, người thân người khuyết tật tùy theo các dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật.

+ Mua và cung cấp dụng cụ chỉnh hình, dụng cụ phục hồi chức năng phục vụ cho hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

+ Chi cho con người thực hiện hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng.

- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

+ Tiếp tục triển khai Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 13/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 19/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 245/KH-UBND ngày 21/9/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổng thể triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2023-2030 thành phố Hải Phòng.

+ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố.

+ Tổ chức tuyên truyền tập trung nhân Tháng hành động vì người cao tuổi Việt Nam (tháng 10) và ngày Quốc tế người cao tuổi 01/10 tại xã, phường, thị trấn; tuyên truyền tại cộng đồng lồng ghép tuyên truyền chính sách dân số, lồng ghép nội dung chăm sóc sức khỏe người cao tuổi vào các hoạt động của câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe, câu lạc bộ liên thế hệ và tại các thôn, tổ dân phố thông qua mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên. Ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (mạng xã hội, internet,...)

+ Tiếp tục duy trì triển khai mô hình điểm “Hỗ trợ dự phòng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ứng phó với già hóa dân số” và hoạt động của các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại các xã, phường.

+ Bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao năng lực để Trạm Y tế xã thực hiện khám chữa bệnh cho người cao tuổi; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi, sàng lọc một số bệnh thường gặp; lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi.

+ Tổ chức đào tạo, tập huấn cho người làm công tác tư vấn, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở các cơ sở chăm sóc sức khỏe; cán bộ dân số, cộng tác viên dân số, hội viên Hội người cao tuổi và tình nguyện viên ở cơ sở.

+ Bố trí đơn nguyên lão khoa, giường bệnh dành riêng cho người cao tuổi tại các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, trung tâm y tế có giường bệnh (trừ bệnh viện chuyên khoa nhi).

+ Duy trì hoạt động các cấp: quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Chương trình tại các địa phương, đơn vị. Đánh giá sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030.

- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- + Truyền thông tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- + Đào tạo, tập huấn chuyên môn chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- + Hoạt động về làm mẹ an toàn và chăm sóc sơ sinh.
- + Hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản VTN – Nam học.
- + Hoạt động về triển khai liên kết dịch vụ và dự phòng một số bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con.
- + Hoạt động hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật
- + Tổ chức khám tư vấn sàng lọc nhiễm khuẩn đường sinh dục, ung thư CTC, ung thư vú; chữa bệnh phụ khoa thông thường tại các xã/phường/thị trấn; các quận/huyện/thành phố; các khu công nghiệp, cơ quan... trong thành phố.
- + Triển khai tuần lễ làm mẹ an toàn và nuôi con bằng sữa mẹ
- + Kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động về chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- + Phối hợp liên ngành về hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- + Báo cáo thống kê định kỳ, đột xuất theo yêu cầu.

- Hoạt động thực hiện Kế hoạch Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng

- + Kện toàn mạng lưới.
- + Tập huấn tăng cường nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo, đào tạo lại, hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu và cơ bản, giáo dục truyền thông, giáo dục dinh dưỡng.
- + Tổ chức truyền thông Ngày Vi chất dinh dưỡng 1,2/6; Triển khai Chiến dịch uống Vitamin A liều cao; Trẻ nguy cơ thiếu Vitamin A được uống Vitamin A hàng tháng (Sởi, tiêu chảy kéo dài, nhiễm khuẩn hô hấp cấp, suy dinh dưỡng nặng).
- + Tổ chức cân đo định kì, đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ 5 tuổi; Theo dõi tăng trưởng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hàng tháng.
- + Triển khai hưởng ứng Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển 16 – 23/10.
- + Điều tra, khám sàng lọc, giám sát dinh dưỡng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi và bà mẹ có con dưới 5 tuổi (điều tra 30 cụm xã/phường/thị trấn).
- + Điều tra, khám sàng lọc tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng của trẻ em

(mầm non, Tiểu học, THCS, THPT...), người lao động ở một số khu công nghiệp...

- + Kiểm soát tình trạng thừa cân, béo phì ở trẻ em.
- + Công tác khám, tư vấn dinh dưỡng.
- + Kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động dinh dưỡng.
- + Phối hợp liên ngành.

- Hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và cải thiện, chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời

+ Tập huấn, đào tạo lại, hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu và cơ bản, giáo dục truyền thông, giáo dục dinh dưỡng về phòng chống suy dinh dưỡng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, cải thiện sức khỏe dinh dưỡng cộng đồng.

+ Phối hợp cung cấp thông tin, truyền thông, giám sát các yếu tố nguy cơ, điều trị dự phòng và quản lý suy dinh dưỡng trẻ em.

+ Tổ chức triển khai khám tư vấn dinh dưỡng cho trẻ phát hiện và dự phòng sớm những trẻ có nguy cơ thiếu vi chất dinh dưỡng, suy dinh dưỡng, còi xương, thừa cân- béo phì...

+ Can thiệp dinh dưỡng: Hướng dẫn thực hành dưỡng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi đang độ tuổi ăn bổ sung; Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng đặc biệt trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi; Thúc đẩy cải thiện chăm sóc tại Trạm Y tế xã/phường; Tư vấn cho PNMT và đặc biệt những PNMT thiếu máu, thiếu sắt có chế độ dinh dưỡng hợp lý, bổ sung viên sắt, viên đa vi chất theo phác đồ.

+ Tổ chức theo dõi tăng trưởng trẻ và giáo dục truyền thông dinh dưỡng cho bà mẹ nuôi con nhỏ 0-23 tháng tuổi tại thôn/tổ.

+ Tổ chức vận hành trung tâm giáo dục phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng từ 6 -23 tháng tuổi tại thôn; họp nhóm hỗ trợ các bà mẹ có thai và nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn; Thăm và tư vấn dinh dưỡng tại hộ gia đình; Chú trọng theo dõi tăng trưởng và tình trạng dinh dưỡng trẻ có cân nặng sơ sinh dưới 2500gr. Tư vấn kịp thời cho bà mẹ kiến thức chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ có CNSS dưới 2500gr định kỳ hàng tháng.

+ Triển khai toàn diện các can thiệp về chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày đầu đời bao gồm: thực hiện chăm sóc sức khỏe và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh; Nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; Ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; Định kỳ theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ.

+ Tổ chức cân đo định kì, đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ dưới 2 tuổi;

Theo dõi tăng trưởng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng hàng tháng.

+ Điều tra, khám sàng lọc, đánh giá tình trạng thiếu máu, thiếu sắt ở phụ nữ mang thai.

+ Khám tư vấn dinh dưỡng cho trẻ dưới 2 tuổi và bà mẹ có con dưới 2 tuổi.

+ Kiểm tra, giám sát các hoạt động dinh dưỡng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp ban đầu và cơ bản.

+ Phối hợp liên ngành.

4. Chương trình 4: An toàn thực phẩm (ATTP)

a) Mục tiêu chung:

Kiểm soát an toàn thực phẩm trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm được thiết lập, phát huy hiệu quả, chủ động trong việc bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Số vụ ngộ độc thực phẩm cấp tính từ 30 người mắc trở lên so với trung bình giai đoạn trước: giảm 40%

- Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính trong vụ ngộ độc được ghi nhận dưới 6,5 người/100.000 dân.

- 80% cán bộ làm công tác quản lý, thanh tra ATTP tại thành phố được bồi dưỡng và nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ.

- 80% cán bộ làm công tác ATTP cơ sở (quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên, xã/phường/thị trấn) được bồi dưỡng, nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức về ATTP.

- Trên 80% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người tiêu dùng, quản lý ATTP được cập nhật kiến thức về ATTP.

- Tỷ lệ mẫu vượt mức cho phép/tổng số mẫu được kiểm tra an toàn thực phẩm trong các chương trình giám sát quốc gia về an toàn thực phẩm < 6%.

- 100% xã/phường/thị trấn tổ chức hoạt động tuyên truyền an toàn thực phẩm;

c) Các hoạt động chủ yếu:

- Truyền thông An toàn thực phẩm. Tổ chức các chiến dịch truyền thông về ATTP tại các thời điểm cao điểm trong năm (Lễ, Tết, tháng hành động vì chất lượng ATTP, Trung thu...) và các sự kiện đột xuất. Duy trì tháng hành động vì chất lượng ATTP, xây dựng nội dung thông điệp.

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về ATTP. Tổ chức hội nghị, hội thảo về ATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền

qua thực phẩm.

- Thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực địa, và cấp GCN đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh được phân cấp. Triển khai kỹ thuật và thẩm định phương pháp thử quốc tế, khu vực...; đánh giá chất lượng phòng kiểm nghiệm thực phẩm; sửa chữa, bảo dưỡng, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh thiết bị cho phòng kiểm nghiệm.

- Kiểm soát ATTP các cơ sở dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố. Giám sát, đánh giá và kiểm soát các nguy cơ đối với một số nhóm thực phẩm nguy cơ cao: Lấy mẫu, kiểm nghiệm mẫu thực phẩm trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm theo các nhóm thực phẩm nguy cơ cao theo các thời điểm quan trọng trong năm và đột xuất; phân tích và đánh giá phục vụ công tác quản lý.

- Điều tra, giám sát ngộ độc thực phẩm; duy trì hoạt động giám sát ngộ độc thực phẩm và phân tích nguy cơ ngộ độc thực phẩm. Thực hiện điều tra và xử lý ngộ độc thực phẩm khi có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra.

- Thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm: Thanh tra/kiểm tra việc thực hiện các quy định về ATTP, triển khai Thanh tra, kiểm tra tháng hành động vì chất lượng ATTP; Thanh tra/kiểm tra đột xuất trong quản lý ATTP; Thanh tra/kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các Dự án ATTP.

- Ứng dụng công nghệ thông tin; mua sắm thiết bị, phương tiện, dụng cụ phục vụ cho hoạt động chuyên môn.

- Báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

5. Chương trình 5: Phòng, chống HIV/AIDS

a) Mục tiêu chung:

Không chế tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư dưới 0,3%; Giảm số người nhiễm HIV, số người mắc AIDS và số người tử vong do HIV/AIDS; Giảm tác động của HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; Triển khai các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS hướng tới và duy trì mục tiêu 90-90-95. Thanh toán AIDS vào năm 2030.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Can thiệp, giảm tác hại
 - + Tiếp tục phối hợp với SCDI triển khai can thiệp giảm tác hại cho 2.900 người NCMT, 1.600 người bán dâm, 1.500 nam quan hệ tình dục đồng giới MSM và tiếp cận các dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS.
 - + Số người được điều trị Methadone: 3.300.
 - + Số người được cấp Methadone về nhà: 1.000

- Công tác giám sát dịch HIV/AIDS, tư vấn xét nghiệm HIV
- + Số mẫu giám sát phát hiện: 70.000 mẫu.
- + Số mẫu giám sát trọng điểm: 300 mẫu.
- + 90% tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng HIV của mình.
- Quản lý điều trị HIV/AIDS
- + 90% tỷ lệ người nhiễm HIV biết tình trạng HIV được điều trị ARV
- + 90% tỷ lệ BN đủ tiêu chuẩn XN tải lượng HIV được làm XN tải lượng
- + 99% tỷ lệ BN có tải lượng VR dưới ngưỡng ức chế.
- + 95% tỷ lệ người nhiễm HIV mắc lao được DT đồng thời Lao và ARV
- + 95% tỷ lệ phụ nữ mang thai nhiễm HIV sinh con được DT dự phòng LTMC.
- + 95% tỷ lệ trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được DT dự phòng LTMC
- Tăng cường năng lực hệ thống phòng, chống HIV/AIDS.
- + 100% cán bộ cấp khám bệnh, chữa bệnh chuyên sâu và cơ bản được đào tạo, đào tạo lại đủ năng lực để hỗ trợ cấp khám bệnh, chữa bệnh ban đầu và 100% cán bộ cấp khám bệnh, chữa bệnh cơ bản được đào tạo thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.
- + Tiếp nhận, chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ về phòng, chống HIV/AIDS chất lượng, hiệu quả.

c) Các hoạt động chủ yếu:

- Truyền thông phòng, chống HIV/AIDS.
- Đào tạo, tập huấn.
- Giám sát dịch HIV/AIDS, tư vấn xét nghiệm HIV.
- Dự phòng và can thiệp giảm tác hại.
- Chăm sóc điều trị: điều trị nghiện thay thế chất dạng thuốc phiện bằng Methadone; điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV (PrEP), điều trị kháng vi rút (ARV) cho người nhiễm HIV và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con.
- Tăng cường nâng cao năng lực hệ thống phòng, chống HIV/AIDS.

6. Chương trình 6: Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

a) Mục tiêu chung: Bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học; Tổ chức hoạt động truyền thông về vận động hiến máu tình nguyện để phát triển nguồn người hiến máu và tổ chức các sự kiện hiến máu tình nguyện. Tuyên truyền, đào tạo nâng cao năng lực cho bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên hiểu biết sâu hơn và thực hiện công tác sàng

lọc, chẩn đoán và điều trị các bệnh tan máu bẩm sinh và rối loạn đông máu bẩm sinh trong thành phố Hải Phòng.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tổ chức tuyên truyền cho 2.000 lượt người ở những quận, huyện, đơn vị (có phong trào hiến máu tình nguyện còn hạn chế) trong thành phố về ý nghĩa của việc hiến máu cứu người và đảm bảo an toàn của việc hiến máu nhắc lại.

- Tổ chức tuyên truyền cho 200 người về bệnh tan máu bẩm sinh (Thalassemia) và bệnh rối loạn đông máu bẩm sinh (Hemophilia...)

- Tiếp nhận đơn vị máu: năm 2025 đạt 3.000 đơn vị trong tổng số máu tiếp nhận của Trung tâm.

c) Các hoạt động chủ yếu:

- Truyền thông vận động hiến máu tình nguyện.

- Tổ chức các hoạt động vận động hiến máu tình nguyện và vận động hiến máu nhắc lại

- Đào tạo, tập huấn phòng chống bệnh tan máu bẩm sinh (Thalassemia), các bệnh rối loạn đông máu bẩm sinh (hemophilia) cho bác sĩ, điều dưỡng và người dân.

- Tuyên truyền phòng chống bệnh tan máu bẩm sinh và rối loạn đông máu bẩm sinh cho người dân.

- Hoạt động chuyên môn.

- Xây dựng ngân hàng máu sống dựa trên lực lượng hiến máu dự bị và bảo đảm an toàn truyền máu cho vùng sâu vùng xa, hải đảo.

- Đào tạo chuyên môn cho nhân viên y tế về: Sàng lọc kháng thể bất thường của người hiến máu, nâng cao kỹ năng sàng lọc các bệnh nhiễm trùng lây qua đường truyền máu cho các đơn vị máu tiếp nhận.

- Mua sắm vật tư, thiết bị phục vụ công tác chuyên môn.

7. Chương trình 7: Quân dân y kết hợp

a) Mục tiêu chung:

Tăng cường năng lực chăm sóc bảo vệ sức khỏe quân và dân vùng hải đảo, khu vực trọng điểm quốc phòng an ninh, vùng sâu, vùng xa; sẵn sàng ứng phó với thiên tai, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Hỗ trợ kỹ thuật, phương tiện, trang thiết bị, thuốc phục vụ khám chữa bệnh và phòng chống dịch bệnh của các cơ sở quân dân y ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

- Tổ chức huấn luyện các đơn vị cơ động quân dân y, sẵn sàng tham gia

khắc phục giảm nhẹ tổn thất do thiên tai thảm họa, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp khác.

- Nâng cao chất lượng đơn vị dự bị động viên ngành y tế, sẵn sàng động viên theo quy định của Pháp luật.

c) Nội dung hoạt động:

- Hoàn thiện về tổ chức hệ thống ban quân dân y các cấp, quán triệt các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng; xây dựng các kế hoạch bảo đảm.

- Về tăng cường năng lực y tế cơ sở:

- + Ban quân dân y thành phố chủ động tổ chức rà soát các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y; đề xuất ngân sách của địa phương để đầu tư sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm bổ sung trang thiết bị y tế các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

- + Xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, huấn luyện, đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ nhân viên y tế tại các cơ sở khám chữa bệnh quân dân y.

- Nâng cao chất lượng các đơn vị y tế dự bị động viên, xây dựng các đội cơ động quân dân y phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa.

- + Quản lý, nắm chắc nguồn nhân lực, phương tiện, trang bị, vật chất, vật tư y tế và khả năng động viên y tế của địa phương. Kiện toàn kế hoạch huy động trang thiết bị y tế cho đơn vị dự bị động viên.

- + Xây dựng kế hoạch kết hợp quân dân y phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa; kiện toàn các tổ cơ động về huy động ngành y tế khi có chiến tranh và tình trạng khẩn cấp; xây dựng các phương án xử trí các tình huống khẩn cấp sát với yêu cầu của địa phương, đơn vị.

- Công tác khám chữa bệnh chính sách:

Tổ chức khám chữa bệnh miễn phí cho các đối tượng chính sách, người nghèo, kết hợp thực hiện công tác dân vận nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ (27/7) và các ngày lễ lớn trong năm.

8. Chương trình 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

a) Mục tiêu chung:

Theo dõi, kiểm tra, giám sát đánh giá bảo đảm thực hiện Chương trình hiệu quả. Triển khai các hoạt động truyền thông y tế, chủ động góp phần phòng, chống bệnh tật nâng cao sức khỏe người dân và cộng đồng

b) Mục tiêu cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình truyền thông về y tế.
- Tăng cường các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe qua nhiều kênh, bằng nhiều hình thức nhằm tác động đến nhận thức, thái độ, hành vi của người dân trong cộng đồng.
- Nâng cao tỷ lệ người dân trong cộng đồng biết cách chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe phòng chống bệnh tật và các dịch bệnh nguy hiểm mới nổi.

c) Các nội dung hoạt động chủ yếu:

- + Tổ chức các hoạt động truyền thông mít tinh, hưởng ứng; Tổ chức các sự kiện, ngày/tháng cao điểm truyền thông phù hợp với các hoạt động của Chương trình.
- + Mua sắm thiết bị phục vụ công tác truyền thông, thiết bị công nghệ thông tin.
- + Xây dựng, sản xuất, nhân bản, phát hành các tài liệu, ấn phẩm truyền thông.
- + Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.
- + Tổ chức tập huấn kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe.
- + Tổ chức kiểm tra, giám sát.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.
- Đưa các chỉ tiêu y tế - dân số vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; ưu tiên đầu tư từ ngân sách địa phương, bảo đảm sử dụng nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ để triển khai hoạt động có hiệu quả.

2. Giải pháp về truyền thông, giáo dục sức khỏe phòng, chống dịch bệnh và Dân số - KHHGD trong chương trình

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nội dung công tác Y tế - Dân số, tập trung tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm về các bệnh thường gặp, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số; an toàn thực phẩm, phòng, chống HIV/AIDS,... thông qua nhiều hình thức, đặc biệt chú ý đến hình thức tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng.

3. Giải pháp về nguồn vốn

Nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

4. Hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế thông qua các hình thức phù hợp để huy động nguồn lực hỗ trợ thực hiện kế hoạch.

5. Lồng ghép trong quá trình thực hiện Chương trình

Thực hiện lồng ghép các hoạt động của Chương trình với quy hoạch, kế hoạch ngành y tế giai đoạn 2021 – 2025 và các Dự án, Chương trình khác liên quan đang triển khai.

6. Điều hành, quản lý thực hiện Chương trình

- Giao Sở Y tế là đơn vị đầu mối tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả trong phạm vi ngân sách được duyệt.
- Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tham mưu xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và triển khai thực hiện các dự án đảm bảo tiến độ giao.
- Tăng cường công tác giám sát để kịp thời giải quyết các vấn đề còn tồn tại, khắc phục các khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

7. Nguồn nhân lực thực hiện Chương trình

Huy động nguồn nhân lực y tế, từ thành phố đến quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên, xã/phường/thị trấn tham gia thực hiện các hoạt động của Chương trình Y tế - Dân số theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước được giao tại Quyết định số 4668/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị.

2. Lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khác có liên quan, nguồn Quỹ Bảo hiểm y tế hoặc huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp khác (nếu có).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.
- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên tổ chức triển khai kế hoạch Chương trình Y tế - Dân số năm 2025 trên địa bàn thành phố; theo dõi, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch Chương trình Y tế - Dân số năm 2025.
- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên thực hiện tốt việc lồng ghép các dự án, hoạt động thuộc Chương trình Y tế - Dân số với các chương trình kinh tế - xã

hội khác của thành phố, của địa phương, đơn vị. Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí Chương trình Y tế - Dân số năm 2025.

- Hàng năm, căn cứ dự toán kinh phí của các hoạt động, dự án Chương trình Y tế - Dân số của các đơn vị, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Chương trình Y tế - Dân số của năm tiếp theo, trình các cấp thẩm quyền theo quy định;

- Hướng dẫn các đơn vị, tổ chức liên quan triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế, của Trung ương.

- Theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện của chương trình, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch Chương trình Y tế - Dân số năm 2025 trên địa bàn thành phố.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch đảm bảo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về chương trình Y tế - Dân số vào chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, của ngành và của địa phương.

- Phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí nguồn lực đầu tư cho ngành Y tế và các đơn vị liên quan thực hiện kế hoạch.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, lồng ghép nội dung giáo dục về giới, giới tính, xây dựng và thực hiện các hoạt động, chính sách cải thiện phúc lợi cho người cao tuổi, các đối tượng yếu thế; phát huy lợi thế dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số trên địa bàn thành phố tạo việc làm mới.

- Nghiên cứu, đề xuất chính sách đặc thù cho phụ nữ và trẻ em gái nhằm tạo môi trường, điều kiện cho phụ nữ và trẻ em gái phát triển toàn diện.

- Phối hợp với Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ làm công tác dân số từ thành phố đến cấp huyện, cấp xã.

4. Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Báo chí và Truyền thông thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông nhằm tạo đồng thuận cao trong xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và nhân dân để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược Dân

số Việt Nam đến năm 2030 và Kế hoạch này đề ra. Ứng dụng công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội; hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin... trong truyền thông giáo dục về dân số.

- Xây dựng, thực hiện kế hoạch tuyên truyền thời lượng phát sóng, số lượng bài viết phù hợp; nâng cao chất lượng tuyên truyền về dân số và phát triển trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục nhằm cung cấp thông tin, kiến thức góp phần nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân về Chương trình Y tế - Dân số.

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tập huấn về nội dung, phương pháp tuyên truyền về công tác dân số cho cộng tác viên, phóng viên. Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan cung cấp thông tin, tài liệu cho các cơ quan truyền thông về việc triển khai thực hiện Chương trình Y tế - Dân số năm 2025 trên địa bàn thành phố.

5. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Y tế, các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, triển khai các giải pháp, các chương trình, các đề án thực hiện kế hoạch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao về ATTP.

- Quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh đối với các nhóm hàng thực phẩm thuộc quản lý của ngành Công Thương.

- Tham gia phối hợp với Cục Quản lý thị trường kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn việc kinh doanh thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ khi có yêu cầu.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Phối hợp với Sở Y tế thực hiện các nội dung chương trình trong phạm vi, lĩnh vực được phân công quản lý; triển khai các giải pháp, các chương trình thực hiện kế hoạch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao về an toàn thực phẩm.

- Chủ trì hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất thực phẩm nông sản, thủy sản chất lượng, an toàn thực phẩm, nhân rộng các mô hình, xây dựng các chuỗi liên kết cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn thành các chuỗi giá trị ngành hàng chất lượng, an toàn và bền vững; thực hiện giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản theo chuỗi cung ứng từ sản xuất đến tiêu thụ.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế tổ chức tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống dịch bệnh, truyền thông tư vấn về chăm sóc sức khỏe sinh sản VTN/TN; an toàn thực phẩm trong nhà trường, huy động giáo viên và học sinh tham gia tích cực công tác vệ sinh môi trường; khám sàng lọc, tư vấn điều trị một số bệnh như cận

thị, cong vẹo cột sống, thừa cân béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường; giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới, gắn giáo dục thể chất với mục tiêu nâng cao thể lực, tầm vóc con người.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện tốt công tác đảm bảo y tế học đường; đôn đốc, kiểm tra bếp ăn bán trú tại các nhà trẻ, các trường mầm non, các trường tiểu học trên địa bàn quản lý.

8. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế với các cơ quan liên quan thực hiện Chương trình quân dân y kết hợp.

9. Công an thành phố

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm soát, ngăn chặn việc nhập lậu thực phẩm; phát hiện, điều tra, xử lý và hỗ trợ xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về ATTP; phòng chống ma túy, mại dâm trên địa bàn thành phố.

10. Cục Thống kê thành phố:

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế thực hiện thu thập số liệu, giám sát, đối khớp số liệu hàng quý, công bố Niên giám thống kê dân số - KHHGD năm đầy đủ, kịp thời và chính xác để làm căn cứ hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội của thành phố.

11. Sở, ban, ngành có liên quan

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan thực hiện Chương trình Y tế - Dân số năm 2025.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các Đoàn thể thành phố

Phối hợp với ngành y tế và các cơ quan liên quan tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và huy động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động thực hiện Chương trình Y tế - Dân số năm 2025. Giám sát, phản biện xã hội; nắm bắt, tập hợp ý kiến của người dân đối với các hoạt động của Chương trình Y tế - Dân số trên địa bàn thành phố.

13. Ủy ban nhân dân các quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên

- Phối hợp với ngành y tế; chỉ đạo, xây dựng và tổ chức thực hiện nội dung kế hoạch Chương trình Y tế - Dân số năm 2024 của địa phương.

- Chủ động cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nội dung nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương.

- Đưa các chỉ tiêu, mục tiêu Chương trình Y tế - Dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp với ngành Y tế chỉ đạo, triển khai thực hiện các biện pháp đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu của Chương trình Y tế - Dân số gắn với cuộc vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh tại địa phương.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Y tế - Dân số năm 2025 trên địa bàn thành phố, yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận/huyện/thành phố Thủy Nguyên triển khai thực hiện, báo cáo kết quả về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- UBND các quận, huyện, TP;
- TT BC và TT TP;
- Cổng thông tin điện tử TP;
- CPVP;
- Phòng NC&KTGS;
- CV: YT
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Minh Cường